

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST

Ngày: 22/4/2019.

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lưu Thị Tám

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2018/TLST-DS, ngày 10/12/2018 về *“Tranh chấp hợp đồng góp hụi”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-DS, ngày 13/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-DS, ngày 01/4/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Trần Thị A, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số 404 ấp G, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* Bà Thạch Thị B và ông Lâm Văn C (cùng vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị A thì vụ án có nội dung như sau:*

Bị đơn B và C có tham gia chơi hụi mùa 5.000.000đ do nguyên đơn A làm chủ, đây hụi gồm 21 phần, bị đơn B và C tham gia chơi 02 phần, khai hụi vào ngày 30/10/2015AL mãn hụi ngày 30/02/2022AL. Đến lần hót hụi thứ 05 bị đơn B và C hót một phần, sau đó đóng hụi chết được 02 lần, từ lần 08 tháng 4/2018, lần thứ 9 tháng 8/2018 và lần thứ 10 tháng 12/2018 bị đơn B và C không đóng hụi chết 03 lần với số tiền là: 3lần x 5.000.000đ/phần = 15.000.000đ. Vì vậy, nguyên đơn A phải đóng hụi chết thay bị đơn B và C 03 lần với số tiền là 15.000.000đ. Đối với chân hụi sống thì bị đơn B và C đã đóng được 07 lần, từ lần thứ 8 đến nay, bị đơn B và C không đóng hụi sống nữa.

Do bị đơn B và C vi phạm nghĩa vụ đóng tiền hối theo thỏa thuận. Vì vậy, nguyên đơn A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh S giải quyết buộc bị đơn B và C phải trả số tiền chơi hối còn nợ tính đến tháng 12/2018 là 15.000.000đ.

** Đối với bị đơn Thạch Thị B và Lâm Văn C:* Từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh S đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 867/TB-TLVA, ngày 10/12/2018 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn B và C nhưng bị đơn B và C không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A. Sau đó, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn B và C tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng bị đơn B và C không tham dự. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh S tại phiên tòa như sau:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn A tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn B và C không chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham dự phiên tòa sơ thẩm.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A, buộc bị đơn B và C phải trả tiền chơi hối còn nợ cho nguyên đơn A, 03 lần với số tiền là 15.000.000đ vì nguyên đơn A đã chứng minh được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn B và C vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn A và Kiểm sát viên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn B và C theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn B và C.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Tại phiên tòa, nguyên đơn A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn B và C phải trả số tiền chơi hối còn thiếu là 15.000.000đ. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A thì thấy rằng:

Việc chơi hối giữa các đương sự là có xảy ra trên thực tế, được thể hiện qua việc xác nhận của những người cùng chơi hối như: Trịnh Thị Ánh T; Phạm Thị H; Trần Thị O; Trần Thị N và Nguyễn Thị G. Từ lần khai hối thứ 08 tháng 4/2018 do bà Trần Thị N hốt, bị đơn B và C không đóng hối chết, nguyên đơn A đã đóng hối chết thay bị đơn B và C, việc này được bà N xác nhận. Sau đó, nguyên đơn A đã

làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết đề ngày 11/6/2018 đến ngày 05/7/2018 Tổ hòa giải ấp L, xã N tổ chức hòa giải nhưng bị đơn B và C vắng mặt không rõ lý do. Các lần khai hội thứ 9 tháng 8/2018 và thứ 10 tháng 12/2018, các hội viên đã hốt hội là bà Trần Thị O và Phạm Thị T đều xác nhận bị đơn B và C đã bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống, không đóng hội chết nên nguyên đơn A phải đóng thay phần hội chết của bị đơn B và C mỗi lần mỗi phần với số tiền là 5.000.000đ.

Từ các căn cứ và phân tích nêu trên có đủ cơ sở để xác định: Số tiền hội chết bị đơn B và C còn thiếu nguyên đơn A 03 lần là 15.000.000đ. Do bị đơn B và C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền hội cho nguyên đơn A theo thỏa thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bị đơn B và C có nghĩa vụ phải trả tiền chơi hội còn thiếu cho nguyên đơn A là 15.000.000đ.

Đối với chân hội sống thì bị đơn B và C có A yêu cầu nguyên đơn A trả lại khi đã đóng đủ các chân hội chết còn lại là 11 lần.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh S là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A được chấp nhận nên bị đơn B và C phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể là: 15.000.000đ x 5% = 750.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 357; Khoản 2 Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường và Điều 27 nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ cũng quy định về họ, hội, biểu, phường.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị A.

1. Buộc bị đơn Thạch Thị B và Lâm Văn C có nghĩa vụ liên đới cùng phải trả số tiền chơi hội còn thiếu cho nguyên đơn Trần Thị A là 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn B và C không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị đơn B và C còn phải trả cho nguyên đơn A số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí sơ thẩm:

- Bị đơn Thạch Thị B và Lâm Văn C phải chịu 750.000đ (*bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn Trần Thị A 375.000đ (*ba trăm, bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh S theo biên lai thu tiền số 0006353, ngày 05/12/2018.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn A có A kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn B và C, thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh S;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung